

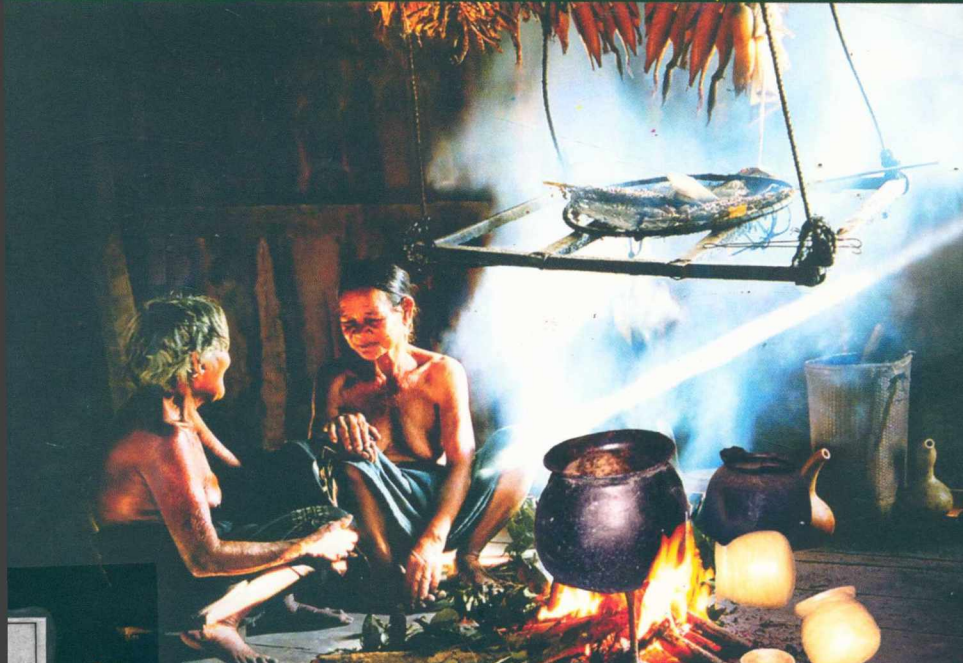


CK.0000071633

ÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN KHẢO CỔ HỌC

PGS.TS. NGUYỄN KHẮC SỬ  
(Chủ biên)

# DẤU ẤN VĂN HÓA TIỀN - SƠ SỬ VÙNG LÒNG HỒ PLEI KRÔNG, KON TUM



PRE- AND PROTO - HISTORIC HALLMARK  
IN THE PLEI KRONG RESERVOIR, KON TUM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



**PGS. TS. NGUYỄN KHẮC SỬ**

**(Chủ biên)**

**DẤU ẤN VĂN HÓA TIỀN - SƠ SỬ  
VÙNG LÒNG HỒ PLEI KRÔNG, KON TUM**  
*PRE- AND PROTO-HISTORIC HALLMARK  
IN THE PLEI KRONG RESERVOIR, KON TUM*

**Các tác giả**

**PGS. TS. Nguyễn Khắc Sử**

**TS. Nguyễn Gia Đồi**

**TS. Nguyễn Trường Đông**

**Ths. Lê Hải Đăng**

**Phan Thanh Toàn**

**Phan Thanh Sơn**

**Nguyễn Thị Hào**

**Nguyễn Sơn Ka**

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	9
-------------	---

### Chương 1

TỔNG QUAN TƯ LIỆU VÙNG LÒNG HỒ PLEI KRÔNG	25
---	----

1.1. Vài nét về địa lý nhân văn vùng nghiên cứu	25
---	----

1.2. Tình hình điều tra, khai quật vùng lòng hồ	44
---	----

1.2.1. Các di tích thám sát trong vùng lòng hồ	45
--	----

1.2.2. Các di tích đã khai quật trong vùng lòng hồ	53
--	----

1.2.3. Các di tích ngoài vùng lòng hồ Plei Krông	73
--	----

1.2.4. Chính lý tư liệu, triển khai nghiên cứu	102
--	-----

### Chương 2

NHỮNG DI TÍCH VÀ DI VẬT ĐƯỢC KHAI QUẬT TRONG LÒNG HỒ PLEI KRÔNG	105
--	-----

2.1. Kết quả khai quật di chỉ Thôn Ba	105
---------------------------------------	-----

2.2. Kết quả khai quật di chỉ Đắc Rêi	133
---------------------------------------	-----

2.3. Kết quả khai quật di chỉ Sa Nhơn	152
---------------------------------------	-----

2.4. Kết quả khai quật di chỉ Đắc Mút	165
---------------------------------------	-----

2.5. Kết quả khai quật di chỉ Đắc Phá	173
---------------------------------------	-----

2.6. Kết quả khai quật di chỉ Đắc Pắc	179
---------------------------------------	-----

2.7. Kết quả khai quật di chỉ Sụi Rôi	188
---------------------------------------	-----

2.8. Kết quả khai quật di chỉ Đắc Wót	199
---------------------------------------	-----

<b>2.9. Kết quả khai quật di chỉ Thôn Năm</b>	205
---	-----

<b>2.10. Kết quả khai quật di chỉ Lung Leng</b>	227
---	-----

### **Chương 3**

<b>ĐẶC TRUNG DI TÍCH, DI VẬT, NIÊN ĐẠI VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN</b>	243
--	-----

<b>3.1. Đặc trưng di tích</b>	243
-------------------------------	-----

3.1.1. Đặc trưng phân bố các di tích	243
--------------------------------------	-----

3.1.2. Đặc trưng địa tầng các di tích	251
---------------------------------------	-----

3.1.3. Đặc trưng các di tích lỗ đất đen và bếp lửa	264
--	-----

3.1.4. Đặc trưng mộ táng	270
--------------------------	-----

<b>3.2. Đặc trưng di vật</b>	290
------------------------------	-----

3.2.1. Đặc trưng công cụ đá	290
-----------------------------	-----

3.2.2. Đặc trưng công cụ đồng và sắt	335
--------------------------------------	-----

3.2.3. Đặc trưng đồ gốm	351
-------------------------	-----

<b>3.3. Niên đại và các giai đoạn phát triển</b>	377
--	-----

### **Chương 4**

<b>KHÁO CỔ HỌC TIỀN - SƠ SỬ VÙNG LÒNG HỒ PLEI KRÔNG TRONG PHỐI CẢNH VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á</b>	390
--	-----

<b>4.1. Với các di tích ở Tây Nguyên</b>	390
--	-----

<b>4.2. Với các di tích ven biển Trung Bộ</b>	457
---	-----

<b>4.3. Với các di tích miền Đông Nam Bộ</b>	477
--	-----

<b>4.4. Với một số di tích ở Bắc Việt Nam</b>	484
---	-----

<b>4.5. Với tiền sử các nước Lào, Campuchia và Thái Lan</b>	487
---	-----

<b>4.6. Đóng góp của khảo cổ học Plei Krông cho văn hóa tiền - sơ sử khu vực</b>	516	
<b>Chương 5</b>		
<b>DIỆN MẠO VĂN HÓA LỊCH SỬ VÙNG LÒNG HỒ PLEI KRÔNG</b>		547
<b>5.1. Diện mạo văn hóa lịch sử vùng lòng hồ</b>	547	
5.1.1. Phân kỳ xã hội nguyên thủy	547	
5.1.2. Dấu ấn thời đại Đá cũ vùng lòng hồ	551	
5.1.3. Vết tích Đá mới sớm vùng lòng hồ	569	
5.1.4. Văn hóa Đá mới muộn vùng lòng hồ	583	
5.1.5. Các văn hóa Kim khí vùng lòng hồ	601	
5.1.6. Vết tích cận, hiện đại qua khai quật khảo cổ	628	
<b>5.2. Văn hóa Lung Leng và các văn hóa tiền sử ở Tây Nguyên</b>	630	
<b>5.3. Chủ nhân các văn hóa tiền sử ở Tây Nguyên</b>	638	
<b>5.4. Tiến trình phát triển văn hóa tiền sử ở Tây Nguyên</b>	663	
<b>KẾT LUẬN</b>	677	
<b>CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b>	685	
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	687	



## LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách *Dấu ấn văn hóa Tiền - sơ sử vùng lòng hồ Plei Krông, Kon Tum* là kết quả thực hiện đề tài khoa học cấp Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam: *Chỉnh lý, nghiên cứu, bảo quản, phục chế di tích và di vật khảo cổ sau khai quật vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông (Kon Tum)* do Viện Khảo cổ học thực hiện, PGS. TS. Nguyễn Khắc Sử làm chủ nhiệm, thực hiện trong 2 năm 2011-2013, đã được nghiệm thu xuất sắc.

Đề có được công trình này, công lao to lớn đầu tiên thuộc về những người tiên phong tham gia khai quật, di dời các di tích vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông trong các năm 2005-2006, gồm: PGS. TS. Nguyễn Khắc Sử (Trường đoàn), TS. Bùi Văn Liêm, TS. Trần Quý Thịnh; TS. Nguyễn Trung Chiến; TS. Nguyễn Gia Đồi, TS. Trịnh Hoàng Hiệp; Th.S. Lê Hải Đăng; Nguyễn Sơn Ka; Hà Mạnh Thắng, Phan Thanh Toàn, Th.S. Nguyễn Ngọc Quý (Viện Khảo cổ học); TS. Phạm Quang Sơn, Th.S. Nguyễn Khải Quỳnh, Võ Huy Hoàng (Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ); Phan Thanh Bằng, Nguyễn Văn Quang, Hoàng Đình Chung, Phạm Công Danh, Đào Thế Trại, Mai Văn Nhung (Bảo tàng tỉnh Kon Tum); TS. Lê Đình Phúc (Đại học Khoa học Huế), TS. Trần Văn Bảo (Đại học Đà Lạt); Đào Văn Nhiệm, Phan Hoàng Huy (Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa). Tiếp theo là công lao của những người tham gia chỉnh lý tư liệu sau khai quật tại Kon Tum vào năm 2011, gồm: PGS.TS. Nguyễn Khắc Sử, TS. Nguyễn Gia Đồi, TS. Nguyễn Trường Đông, Phan Thanh Toàn, Th.S. Lê Hải Đăng, Phạm Thanh Sơn, Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Sơn Ka (Viện Khảo cổ học), Nguyễn Thị Mai Sương, Phạm Thị Nhung (Bảo tàng Kon Tum), Lê Xuân Hưng (Đại học Đà Lạt) và Phạm Bảo Trâm (Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk). Tập thể các tác giả công trình trân trọng biết ơn sự đóng góp vô cùng quý báu của các đồng nghiệp.

Với mục đích cung cấp thông tin tư liệu và kết quả nghiên cứu 9 di chỉ vùng lòng hồ cho các nhà quản lý, nghiên cứu, giảng dạy lịch sử văn hóa Việt Nam; cung cấp cơ sở khoa học cho việc trưng bày Bảo tàng tỉnh Kon Tum, đào tạo cán bộ khảo cổ học trẻ chuẩn bị cho việc thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo của ngành khảo cổ học Việt Nam, quyển sách được biên soạn dưới dạng một chuyên khảo, gồm 5 chương và kết luận, cùng tài liệu tham khảo và phụ lục minh họa với nội dung cơ bản dưới đây:

*Chương 1* trình bày địa lý nhân văn và tình hình điều tra, khai quật khảo cổ học vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông. Công trình cho rằng, các di chỉ khảo cổ vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông có mật độ phân bố tập trung cao, liên quan mật thiết với cảnh quan môi trường vùng trũng Kon Tum, nơi hợp lưu hai con sông lớn nhất Bắc Tây Nguyên là Đắk Bla và Krông Pôkô. Đây cũng là nơi cư trú lâu đời của các tộc người Giẻ -Triêng, Xơ Đăng và Ba Na nói ngôn ngữ Mon - Khmer, thuộc ngữ hệ Nam Á và của người Gia Rai nói ngôn ngữ Malayo-Polynesien, thuộc ngữ hệ Nam Đảo.

*Chương 2* bao gồm kết quả khai quật các di chỉ vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông theo trật tự: vị trí di chỉ, quá trình phát hiện, khai quật; kết quả nghiên cứu về địa tầng, bếp, mộ táng, các hố đất đen, các cụm gốm, các lò luyện sắt; các di vật khai quật được gồm đồ đá, đồ kim loại và đồ gốm, cùng nhận xét sơ bộ về tính chất, niên đại và giá trị lịch sử văn hóa của từng di chỉ.

*Chương 3* nghiên cứu tổng hòa các đặc trưng cơ bản về khảo cổ học vùng lòng hồ, niên đại và các giai đoạn phát triển, công trình đưa ra một số nhận định chính sau: Cư dân Tiền - sơ sử ở đây cư trú tập trung trong một số làng cổ dọc hai bờ sông Krông Pôkô, tạo thành các nhóm, mỗi nhóm gồm một vài di tích liền khoảnh, có làng hạt nhân với tầng văn hóa dày, hiện vật phong phú, kiểu làng gốc và các làng vệ tinh xung quanh, nơi tầng văn hóa mỏng, phần ảnh lõi cư trú không thường xuyên.

Trong mỗi điểm cư trú xuất hiện dấu tích kiến trúc nhà lều, bếp, đôi khi là nơi chế tác công cụ đá, luyện kim loại và đồ mộ. Bếp ở

đây có loại sử dụng đụn nấu thức ăn có quy mô nhỏ, bếp của những người làm nghề thủ công quy mô lớn hơn và dấu tích bếp tạm thời qua đêm của những người thợ săn bắt. Nhìn chung, bếp có quy mô nhỏ, có thể số thành viên không nhiều, thời gian cư trú ngắn, kiểu di trú theo mùa.

Cư dân vùng lòng hồ duy trì đồng thời nhiều kiểu táng thức như mộ rải đá cuội, mộ rải gốm, mộ huyết đất và mộ quan tài gốm (mộ nôi, mộ vò hoặc mộ nôi - vò gốm úp miệng vào nhau, ít mộ chum lớn). Hầu hết các mộ được chôn theo đồ gốm, hiếm gặp chôn theo công cụ và đồ trang sức. Số lượng đồ tùy táng không nhiều, chưa đủ căn cứ để xác định sự phân hóa giàu - nghèo, thân phận hoặc nghề nghiệp chủ nhân mộ. Có sự thay đổi táng thức theo thời gian: Vào giai đoạn Đá mới muộn, phổ biến là mộ quan tài gốm (mộ nôi/vò úp nhau), mộ rải gốm, sang giai đoạn Kim khí xuất hiện mộ đất, mộ rải đá cuội. Trong hầu hết các mộ không gặp di cốt người. Mộ ở đây mang ý nghĩa biểu trưng, phản ánh nhận thức của con người về tự nhiên và xã hội một cách thuần phác.

Công cụ đá ghè đẽo ở vùng lòng hồ ít về số lượng, đơn điệu về loại hình, gọi lại công cụ kiểu Sơn Vi, Hòa Bình. Rìu, bôn và cuốc có vai mài toàn thân làm từ đá opal, silex và bôn hình răng trâu làm từ đá sét silex là loại hình công cụ đặc trưng cho lòng hồ, trong khi rìu và bôn tứ giác, đồ trang sức rất hiếm và chủ yếu ở các lớp muộn. Những viên đá gia trọng, bàn mài đá granite, viên cuội nhỏ làm hòn nghiền có vị trí quan trọng trong tổ hợp công cụ đá vùng lòng hồ.

Những chiếc nôi gốm miệng loe, cổ thắt, thân phình, đáy tròn trang trí văn thừng khắp từ thân đến đáy; những bát bồng nông lòng, chân cao, miệng vuốt mỏng vê cong; những chiếc bình miệng loe, cổ cao, vai nở, thân thuôn dần về đáy, đáy bằng đặc trưng cho giai đoạn sớm. Những chiếc bình vai gãy, trang trí văn in mép vò sò, in ấn hình răng sói, hình sóng khuông nhạc, những cây đèn hình con tiện, văn in chấm, khắc vạch các đoạn thẳng song song hình xương cá, gốm tô màu đen ánh chì tiêu biểu cho giai đoạn muộn. Dội



xe sợi hình nấm, hình nón cụt, hình 2 nón cụt úp miệng vào nhau, có lỗ xuyên giữa, cùng những mảnh gốm ghè tròn chiếm tỷ lệ đáng kể trong đồ đất nung ở đây.

Những chiếc riu đồng gót lệch, có họng tra cán ngắn, một cạnh thẳng tạo sóng riu, cạnh kia tạo eo, rồi lưỡi bản rộng, vênh cong; trên thân có một đường chỉ đúc nổi và lỗ chốt hãm đặc trưng nhất ở đây. Chúng giống hệt mặt âm khắc trong các khuôn đúc riu tìm thấy lòng hồ và gọi lại kiểu riu văn hóa Đông Sơn. Khối lượng xi sắt, quặng sắt, các lò luyện, lò rèn sắt khá nhiều, nhưng thành phẩm từ sắt ở đây ít, đa số là dao, liềm, thuổng, mũi dùi. Có thể sản phẩm sắt ở đây được trao đổi trên thị trường Bắc Tây Nguyên, Thượng Lào và duyên hải Trung Bộ Việt Nam.

*Chương 4* tìm hiểu mối quan hệ văn hóa giữa vùng lòng hồ với các vùng khác ở Tây Nguyên, Miền Đông Nam Bộ, miền Trung Bộ và Bắc Bộ Việt Nam cũng như tiền sử Lào, Campuchia và Thái Lan. Các tác giả cho rằng, các di tích vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông có nét gần gũi với văn hóa Biển Hồ (Gia Lai), Tiền Sa Huỳnh và Sa Huỳnh ở vùng duyên hải Trung Bộ, đồng thời có nhiều điểm khác biệt với các di tích ở Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Trong diễn trình phát triển, tiền sử Kon Tum có quan hệ chặt chẽ với văn hóa Sơn Vi, Hòa Bình và Đông Sơn Bắc Việt Nam và thời đại Kim khí Thượng Lào.

Giá trị lịch sử - văn hóa nổi bật của khảo cổ học lòng hồ Plei Krông là sự hiện diện của nền nông nghiệp dùng cuốc với thành tựu trồng lúa; trung tâm luyện kim đúc đồng, rèn sắt; tham dự vào công việc phân công lao động xã hội, xác lập văn hóa Lung Leng và tạo dựng sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Tiền - sơ sử Miền Trung - Tây Nguyên vào cuối Đá mới và đầu Kim khí.

*Chương 5* phác thảo tiến trình phát triển văn hóa vùng lòng hồ thủy điện Plei Krông qua các giai đoạn Đá cũ, Đá mới và Kim khí với các đặc trưng về kinh tế, tổ chức xã hội và đặc biệt là những thành tựu kỹ thuật của các cộng đồng cư dân nơi đây.

Khảo sát và nghiên cứu cho thấy, những dấu vết thời đại Đá cũ, sơ kỳ Đá mới vùng lòng hồ còn hết sức mờ nhạt. Vào thời kỳ này, cư dân hãy còn thưa thớt, chế tác công cụ đá và tre gỗ còn thô sơ, chưa biết đến đồ gốm, săn bắt - hái lượm độc tôn. Từ khoảng năm 4.000 đến năm 2.000 trước Công nguyên, cư dân cổ vùng lòng hồ phát triển tới đỉnh cao kỹ thuật chế tạo rìu, bôn đá mài toàn thân, chế tạo và sử dụng phổ biến đồ gốm, thực thi nhiều nghi thức mai táng, tiến hành săn bắt, hái lượm và trồng lúa, hoa màu ven sông. Sau hai nghìn năm, xuất hiện kỹ thuật luyện kim, chế tạo công cụ đồng, rồi công cụ sắt. Các hoạt động trồng trọt được mở rộng, có thêm lương thực dự trữ; dân số bắt đầu tăng, có sự tập hợp nhiều người dưới sự chỉ đạo chung duy nhất kiểu già làng. Những công cụ bằng sắt gắn với chiếc bễ lò rèn, chiếc khoan tay lõi vòng hạt chuỗi bằng đá nephrit, chiếc bàn xoay đồ gốm, những đồ trang sức được đúc, được rèn từ kim loại, những chiếc thuyền độc mộc, những chiếc xe có bánh có thể đã ra đời, đánh dấu con người đã bước vào xã hội văn minh.

Tiến trình phát triển văn hoá Tiền - sơ sử Kon Tum về cơ bản là liên tục, luôn luôn giao thoa, tiếp xúc với các vùng đất bên ngoài, nhất là các nền văn minh lớn của Việt Nam như Đông Sơn và Sa Huỳnh, làm cho văn hoá nơi đây phong phú, đa dạng, cởi mở.

Cùng với các di tích khác ở Kon Tum, các di tích vùng lòng hồ Plei Krông là một thành tố của văn hóa Lung Leng, phân bố chủ yếu ở vùng núi thấp Sa Thầy và vùng trũng Kon Tum, tồn tại từ Đá mới muộn đến Kim khí. Cư dân văn hóa Lung Leng cư trú ngoài trời, cạnh các sông lớn, gồm các nhóm độc lập, sử dụng phổ biến rìu và cuốc có vai vuông bằng đá silex, opal, cuốc và bôn hình răng trâu bằng đá sét bột kết hoặc silex pha vảy sét; bàn mài bằng đá granite, hòn nghiền bằng viên cuội nhỏ; những viên cuội hình bánh xe có đục lỗ giữa, rất hiếm loại rìu bôn tứ giác và đồ trang sức; sử dụng phổ biến đồ gốm trong sinh hoạt và trong tang ma (gốm quan tài, gốm tùy táng). Cư dân văn hóa Lung Leng là những người làm nông nghiệp, biết luyện kim, chế tạo công cụ lao động bằng đồng và bằng sắt. Bước vào thời đại Kim khí, Lung Leng là một trung tâm